



# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 250 + 251

Ngày 15 tháng 12 năm 2020

## MỤC LỤC

Trang

### PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |  |   |
|-------------|--|---|
| 24-11-2020- | Quyết định số 28/2020/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản.  | 3 |
| 25-11-2020- | Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 5 |

### PHẦN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |             |   |    |
|-------------|---|----|
| 17-11-2020- | Quyết định số 4220/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội. | 20 |
|-------------|---|----|

- 17-11-2020- Quyết định số 4221/QĐ-UBND phê duyệt Danh mục dịch vụ công ưu tiên cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Thành phố theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 04 năm 2018 và tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia giai đoạn 2020-2021. 27
- 24-11-2020- Quyết định số 4304/QĐ-UBND ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9. 64

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

- 13-10-2020- Công văn số 2506/UBND-TP v/v đính chính Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 8. 67

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2020/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

### **QUYẾT ĐỊNH**

#### **Về việc bãi bỏ văn bản**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 5733/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Công văn số 7853/SKHĐT-PPP ngày 15 tháng 10 năm 2020; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 4397/STP-KTrVB ngày 21 tháng 9 năm 2020.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật**

Bãi bỏ Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 58/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Lý do: không còn phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2020.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Ban Quản lý Đường sắt đô thị, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Giám đốc Ban Quản lý dự án dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, Tổng Giám đốc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH Một thành viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2020/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 11 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Ban hành Quy chế phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong đường lĩnh vực thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 24/2015/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Chính*

*phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải về quản lý hoạt động hàng hải;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy; Thông tư số 03/2013/TT-BGTVT ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 3 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về vận tải thủy;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển;*

*Căn cứ Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách*

cao tốc giữa các cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới;

Căn cứ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 9369/TTr-SGTVT-GTT ngày 06 tháng 8 năm 2020, Công văn số 11633/SGTVT-QLĐT ngày 01 tháng 10 năm 2020; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 3203/STP-VB ngày 07 tháng 7 năm 2020.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp quản lý các phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý các phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các sở - ban - ngành Thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Phối hợp quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/2020/QĐ-UBND  
ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

### **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định trách nhiệm trong công tác phối hợp quản lý hoạt động của phương tiện thủy trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ban, ngành Thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý chuyên ngành giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải hoặc có hoạt động vận tải liên quan đến lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa, có sử dụng phương tiện thủy nội địa và hình thức hoạt động như sau:

a) Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện thủy) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa.

b) Hình thức hoạt động: Hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, vận tải hành khách theo hợp đồng chuyến, vận tải hành khách ngang sông, bến phà, vận tải khách du lịch, vận tải hành khách - hàng hóa và vận tải qua biên giới Việt Nam - Campuchia.

### **Điều 3. Nguyên tắc phối hợp**

1. Công tác phối hợp quản lý nhà nước dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm tính đồng bộ, kịp thời, thống nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý, kiểm tra hoạt động của phương tiện thủy.

2. Thực hiện phối hợp theo đúng nguyên tắc, nghiệp vụ, chuyên môn, chế độ bảo mật của mỗi cơ quan; bảo đảm kết quả phối hợp đồng bộ, chặt chẽ đạt hiệu quả và thời gian yêu cầu. Việc phối hợp giữa các cơ quan không được làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của mỗi cơ quan tham gia.

3. Bảo đảm tính khách quan trong quá trình phối hợp; những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện phải được bàn bạc, thống nhất giải quyết theo đúng quy định của pháp luật và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan liên quan. Đối với những vấn đề chưa thống nhất, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định.

### **Điều 4. Phương thức phối hợp**

Tùy theo tính chất công việc, có thể áp dụng một hoặc một số phương thức phối hợp sau: Ứng dụng công nghệ thông tin hoặc thông tin trực tiếp bằng điện thoại; lấy ý kiến bằng văn bản; yêu cầu cung cấp thông tin; tổ chức cuộc họp; tổ chức khảo sát, điều tra; thanh tra, kiểm tra; tổ chức đoàn liên ngành; cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan phối hợp và thông tin cho cơ quan phối hợp về những vấn đề có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan đó.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

#### **Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì**

1. Xây dựng nội dung, chương trình, kế hoạch phối hợp quản lý và tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất; theo đó xác định cụ thể nội dung, đối tượng, thời gian, địa điểm và trách nhiệm phối hợp kiểm tra của từng cơ quan, bảo đảm không bỏ trống hoặc trùng lặp, chồng chéo; gửi thông báo đầy đủ kế hoạch kiểm tra cho các cơ quan phối hợp, đối tượng được kiểm tra và báo cáo cấp trên trực tiếp chỉ đạo.

2. Thủ trưởng cơ quan chủ trì ban hành quyết định thành lập tổ chức phối hợp

kiểm tra; tổ chức các hoạt động phối hợp theo kế hoạch đã được duyệt.

3. Duy trì mối liên hệ với các cơ quan phối hợp, theo dõi đôn đốc việc thực hiện phối hợp đã được phân công đối với mỗi cơ quan liên quan; thông báo cho cơ quan phối hợp về tình hình công việc của cán bộ được cử tham gia.

4. Cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết theo đề nghị của cơ quan phối hợp và các điều kiện bảo đảm khác trong công tác phối hợp.

5. Báo cáo kết quả kiểm tra và đề xuất biện pháp chỉ đạo cho Ủy ban nhân dân Thành phố và cấp có thẩm quyền; chịu trách nhiệm về tiến độ công tác kiểm tra và tính chính xác của báo cáo.

### **Điều 6. Trách nhiệm của cơ quan phối hợp**

1. Tham gia các hoạt động phối hợp; được phép từ chối phối hợp nếu nội dung đề nghị phối hợp không liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan phối hợp.

2. Cử cán bộ đúng thành phần, thẩm quyền, đáp ứng yêu cầu tham gia công tác phối hợp; tạo điều kiện về thời gian cho cán bộ tham gia phối hợp.

3. Cung cấp thông tin, góp ý kiến chuyên ngành quản lý và chịu trách nhiệm theo chức năng quản lý, nội dung thông tin phải bảo đảm chính xác, đầy đủ và kịp thời.

4. Tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề theo yêu cầu của cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm về tính nhất quán, chất lượng của các ý kiến trong các hoạt động phối hợp của cơ quan mình.

5. Được yêu cầu cơ quan chủ trì cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho công tác phối hợp.

### **Điều 7. Trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ cảng, bến thủy nội địa và đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa**

1. Chủ cảng, bến thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải đường thủy nội địa thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 2 Thông tư số

34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa; tại Điều 5 Thông tư số 61/2015/TT-BGTVT ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hàng hóa trên đường thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện**

1. Chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật về giao thông hàng hải và đường thủy nội địa, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; tại Điều 4 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thuyền viên, người lái phương tiện thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền viên, người lái phương tiện, đảm nhiệm chức danh thuyền viên và định biên an toàn tối thiểu trên phương tiện thủy nội địa; tại Điều 23 Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cảng, bến thủy nội địa và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

## **Chương III CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ**

### **Điều 9. Hoạt động của phương tiện thủy tại bến khách ngang sông**

1. Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, quản lý hoạt động của phương tiện vận tải hành khách ngang sông trên địa bàn quận - huyện theo quy định tại Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giao

thông vận tải quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa; Thông tư số 15/2012/TT-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trang bị và sử dụng áo phao cứu sinh, dụng cụ nổi cứu sinh cá nhân trên phương tiện vận tải hành khách ngang sông.

b) Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các quy định khác có liên quan trên phạm vi địa bàn quản lý. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý, giải quyết, cứu nạn, cứu hộ các sự cố, tai nạn giao thông đường thủy (nếu có) đối với các loại phương tiện thủy nội địa thô sơ theo thẩm quyền thuộc địa bàn quản lý.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 10. Hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa**

1. Cảng vụ Đường thủy nội địa có trách nhiệm:

a) Đề nghị Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền.

b) Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền.

2. Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 11. Hoạt động của phương tiện phà tại bến phà**

1. Đề nghị Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường đối với phương tiện phà trong vùng nước cảng biển.

Yêu cầu hoa tiêu, đơn vị lái dặt phối hợp, giữ chế độ thường xuyên thông tin liên lạc với thuyền trưởng phà khi tiến hành lái dặt tàu biển lưu thông qua khu vực bến phà.

2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra thường xuyên, định kỳ điều kiện an toàn hoạt động của phương tiện phà và công trình bến phà đường bộ.

3. Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 12. Hoạt động của phương tiện thủy tại cảng biển**

1. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan quản lý hoạt động của phương tiện thủy tại cảng biển, trong vùng nước cảng biển theo quy định.

b) Kiểm tra, theo dõi hoạt động của phương tiện thủy lắp đặt thiết bị nhận dạng tự động AIS trong vùng nước cảng biển; giám sát hoạt động của phương tiện thủy nội địa theo quy định.

2. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 13. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên đường thủy nội địa**

1. Công an Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tuần tra, kiểm soát, xử lý hành vi vi phạm pháp luật về giao thông đường thủy nội địa đối với người, phương tiện vận tải hành khách trên tuyến vận tải đường thủy nội địa; chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra, xử lý tai nạn giao thông đường thủy; thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về tai nạn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố.

2. Sở Giao thông vận tải chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động vận tải đường thủy nội địa; thuyền viên, người lái phương tiện; đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện tại cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện và phương tiện tham gia thi công công trình trên đường thủy nội địa.

3. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 14. Quản lý về an ninh trật tự, an toàn xã hội**

1. Công an Thành phố chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về an ninh trật tự và an toàn xã hội đối với hoạt động vận tải hành khách, hàng hóa đường thủy nội địa. Quản lý việc thực hiện đăng ký khách lưu trú trên phương tiện thủy đối với khách du lịch; quản lý người nước ngoài cư trú, làm việc, hoạt động trong lĩnh vực vận tải đường thủy nội địa.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quản lý, bảo vệ an ninh trật tự, kiểm soát xuất nhập cảnh, kiểm tra, giám sát biên phòng, cấp thị thực và các loại giấy phép tại cửa khẩu cảng; đăng ký, kiểm soát đối với tàu biển Việt Nam hoạt động tuyến nội địa và phương tiện thủy nội địa đến, rời cửa khẩu cảng theo Nghị định số 77/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ.

Đối với khu vực biên giới biển, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Công an Thành phố và các lực lượng trong quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biển theo Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ.

3. Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm quản lý về an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn liên quan đến hoạt động của phương tiện thủy theo quy định.

4. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Sở Lao động - Thương Binh và Xã hội, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 15. Công tác phòng cháy, chữa cháy**

1. Công an Thành phố:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện các quy định về phòng cháy, chữa cháy; tổ chức kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy tại các cảng, bến, và phương tiện thủy nội địa vận tải hành khách; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy cho thuyền viên, người lái phương tiện làm việc trên các phương tiện thủy nội địa. Lập hồ sơ quản lý, theo dõi về công tác phòng cháy, chữa cháy của các phương tiện, đặc biệt là các phương tiện chở khách từ 50 người trở lên.

b) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về phòng cháy và chữa cháy đối với các phương tiện thủy tham gia giao thông trên địa bàn Thành phố:

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều 10 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ;

Thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về các điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện thủy theo quy định hiện hành; hướng dẫn các chủ phương tiện thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy;

Hướng dẫn các chủ bến xây dựng quy định, quy trình thực hiện phòng cháy và chữa cháy trong quá trình xuất nhập hàng hóa có nguy cơ về cháy nổ, quy định về đón trả khách và quy định, quy trình về phòng cháy, chữa cháy khi xảy ra cháy, nổ trong khu vực bến cảng, bến tàu, bến phà; cơ chế phối hợp giữa chủ phương tiện và đơn vị quản bến cảng, bến tàu, bến phà trong xử lý các tình huống cháy, nổ; các điều kiện về cứu nạn, cứu hộ, thực hiện các quy định về vận chuyển hàng có nguy cơ gây cháy, nổ.

2. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quy định hiện hành về công tác phòng cháy và chữa cháy theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quản lý.

3. Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 16. Công tác quản lý đăng ký phương tiện thủy nội địa**

1. Sở Giao thông vận tải tổ chức thực hiện việc đăng ký phương tiện thủy nội địa theo quy định, định kỳ báo cáo gửi Cục Đường thủy nội địa Việt Nam và cung cấp thông tin kịp thời cho các cơ quan có liên quan khi có yêu cầu.

2. Cơ quan phối hợp: Công an Thành phố, Chi cục Đăng kiểm số 6 và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 17. Công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**

1. Trung tâm Quản lý đường thủy chịu trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra điều kiện an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa tham gia vận tải hành khách thuộc phạm vi trách nhiệm; trọng tâm là các phương tiện chở khách ngang sông, đưa rước hành khách.

b) Định kỳ hàng quý cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng các phương tiện thủy vận tải hành khách trên địa bàn Thành phố đã



hết hạn đăng kiểm thuộc trách nhiệm của cơ quan mình.

2. Đề nghị Chi cục Đăng kiểm số 6 thực hiện công tác kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy theo quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan đăng kiểm cập nhật kịp thời danh sách các phương tiện (trong đó có tàu chở khách) quá hạn lên trang thông tin điện tử (Website) của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

3. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

### **Điều 18. Công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ**

1. Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố là cơ quan thường trực, trực tiếp chỉ huy điều hành các lực lượng chức năng của Thành phố đến phối hợp với lực lượng địa phương tại chỗ trong công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ bảo đảm nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản.

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố chủ trì là cơ quan chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên biển thuộc địa bàn Thành phố và trên các tuyến sông thuộc khu vực biên giới biển.

Đối với sự cố, tai nạn trên biển và vùng biển thuộc các tỉnh giáp ranh Thành phố do cơ quan trung ương chủ trì, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố là cơ quan đầu mối, chỉ huy các lực lượng của Thành phố trong công tác phối hợp tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ.

3. Công an Thành phố chịu trách nhiệm chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trên sông, kênh, rạch, hồ thuộc địa bàn Thành phố.

4. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì chỉ huy, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan thực hiện công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trong vùng nước cảng biển thuộc địa phận Thành phố. Phối hợp với các cơ quan chức năng điều tra tai nạn hàng hải, xử lý vụ việc tai nạn trên tuyến hàng hải, trong phạm vi vùng nước cảng biển theo thẩm quyền.

5. Cảng vụ Đường thủy nội địa Khu vực III, Cảng vụ Đường thủy nội địa Thành phố tổ chức tìm kiếm, cứu người, hàng hóa, phương tiện, tàu biển bị nạn trong vùng

nước cảng, bến thủy nội địa thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Cơ quan phối hợp: Ban An toàn giao thông Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan khi cần thiết.

7. Trong trường hợp vượt quá khả năng, thẩm quyền thì lãnh đạo các đơn vị nêu trên báo cáo ngay cho Trưởng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn Thành phố xem xét, chỉ đạo.

### **Điều 19. Công tác tuyên truyền**

1. Ban An toàn giao thông Thành phố chủ trì, phối hợp các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải và đường thủy nội địa; về phòng cháy và chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan.

2. Các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về an toàn giao thông hàng hải, đường thủy nội địa; về phòng cháy, chữa cháy; về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; về an toàn vệ sinh môi trường và các quy định khác có liên quan thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm và địa bàn quản lý; chú trọng tuyên truyền giáo dục cho đội ngũ thuyền viên, người lái phương tiện thủy.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 20. Công tác báo cáo**

1. Hàng quý, các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố **trước ngày 25 của tháng cuối quý**, đồng thời gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

2. Sở Giao thông vận tải định kỳ hàng năm tổ chức giao ban với các sở, ban ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các cơ quan có liên quan để đánh giá tình hình, đề ra nhiệm vụ đối với công tác quản lý phương tiện thủy hoạt động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này. Sở Giao thông vận tải là cơ quan thường trực, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; định kỳ sáu tháng tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Giao thông vận tải thống nhất xem xét đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4220/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

### QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

#### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 32517/TTr-SLĐTBXH ngày 30 tháng 10 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới, Danh mục 01 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ Danh mục 01 thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố cho thủ tục B.I.5 và B.I.6 ban hành kèm theo Quyết định số 3831/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thành Phong**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4220/QĐ-UBND  
ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ  
LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</b>						
1	Thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyên đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động;	10 ngày làm việc (trong đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 05 ngày làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố 05 ngày làm việc)	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc. - Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc	<b>Điều chỉnh thành phần hồ sơ:</b> <b>1. Hỗ trợ kinh phí chữa bệnh nghề nghiệp</b> Bản sao chứng từ thanh toán chi phí chữa bệnh nghề nghiệp (mang theo bản chính chứng từ thanh toán để đối chiếu với bản sao).

					<p>công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p><b>2. Hỗ trợ kinh phí phục hồi chức năng</b>                  Bản sao chứng từ thanh toán chi phí phục hồi chức năng, không bao gồm kinh phí cho trang thiết bị hỗ trợ phục hồi chức năng (<i>mang theo bản chính chứng từ thanh toán để đối chiếu với bản sao</i>).</p>
2	<p>Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp</p>	<p>10 ngày làm việc (trong đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 05 ngày làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố 05 ngày làm việc)</p>	<p>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015.</li> <li>- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</li> <li>- Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày</li> </ul>	

					16/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	
--	--	--	--	--	---	--

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</b>							
1	BLĐ-TBVXH-HCM-286397	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	20 ngày làm việc (trong đó Sở Lao động - Thương binh và Xã hội 15 ngày làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố 05	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (địa chỉ số 31, đường số 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức)	Không	- Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015. - Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của	<b>Bổ sung thành phần hồ sơ</b> Bản sao các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc tổ chức huấn luyện theo quy định của pháp luật và các chi phí thực tế có liên



			ngày làm việc)		<p>Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.</p> <p>- Quyết định số 1107/QĐ-LĐTBXH ngày 16/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.</p>	<p>quan đến việc huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng đề nghị hỗ trợ (<i>mang theo bản chính chứng từ thanh toán để đối chiếu với bản sao</i>).</p>
--	--	--	----------------	--	---	---

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ
<b>I. Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động</b>			
1	BLĐ- TBVXH- HCM-286396	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.  (Bị thay thế bởi thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và Thủ tục hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp)

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4221/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Danh mục dịch vụ công ưu tiên cung cấp trên  
Cổng Dịch vụ công Thành phố theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP  
ngày 23 tháng 04 năm 2018 và tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia  
giai đoạn 2020-2021**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;*

*Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia năm 2020;*

*Thực hiện Công văn số 6146/VPCP-KSTT ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ về nâng cao Chỉ số phát triển Chính phủ điện tử Việt Nam theo đánh giá của Liên Hợp quốc;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ công ưu tiên cung cấp trên Cổng Dịch vụ công Thành phố theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP (*địa chỉ*

<https://dvc.hochiminhcity.gov.vn>) và tích hợp, kết nối với Cổng Dịch vụ công Quốc gia (địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>) giai đoạn 2020-2021.

**Điều 2.** Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức rà soát các thủ tục hành chính thuộc danh mục ưu tiên thực hiện đã được phê duyệt tại Quyết định này để đơn giản hóa thành phần hồ sơ, đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện và các bộ phận cấu thành khác trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt phương án đơn giản hóa và chỉ đạo việc cung cấp dịch vụ công theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện việc xây dựng, vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức cung cấp các dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công Thành phố, tích hợp Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo quy định tại Khoản 5 Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch.

**Điều 3.** Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm

Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 23 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và giải pháp kỹ thuật khác, đảm bảo cung cấp các dịch vụ công được cung cấp đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

**Điều 4.** Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm

Chủ động đề xuất, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát, lựa chọn, lập danh mục thủ tục hành chính, dịch vụ công ưu tiên cung cấp; đơn giản hóa, tái cấu trúc quy trình điện tử và rà soát, đánh giá cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên Cổng dịch vụ công Thành phố theo quy định tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**DANH MỤC**  
**DỊCH VỤ CÔNG ÝU TIÊN CUNG CẤP TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG THÀNH PHỐ**  
**VÀ TÍCH HỢP KẾT NỐI VỚI CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2020 - 2021**

*(kèm theo Quyết định số 4221/QĐ-UBND*

*ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

STT	DỊCH VỤ CÔNG	THỜI GIAN HOÀN THÀNH	GHI CHÚ
<b>I</b>	<b>NHÓM DVC DO BAN QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM THỰC HIỆN</b>		
1	Thủ tục Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm	QUÝ III/2021	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm)	QUÝ III/2021	
3	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống	QUÝ III/2021	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	QUÝ III/2021	

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm (trường hợp cơ sở thay đổi địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực)	QUÝ III/2021	
<b>II</b>	<b>NHÓM DVC DO BAN QUẢN LÝ KHU CHẾ XUẤT - KHU CÔNG NGHIỆP THỰC HIỆN</b>		
6	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
7	Thủ tục Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
8	Thủ tục điều chỉnh giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
9	Thủ tục gia hạn giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
10	Thủ tục Chấm dứt hoạt động Giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
11	Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng cho dự án.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
12	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
13	Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
14	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

15	Thủ tục Cấp lại Giấy phép xây dựng	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
16	Thủ tục Đăng ký, Đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp	QUÝ III/2021	
17	Thủ tục giải trình nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
18	Thủ tục giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của người sử dụng lao động	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
19	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QUÝ III/2021	
20	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài	QUÝ III/2021	
21	Thủ tục Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đối với một số trường hợp đặc biệt	QUÝ III/2021	
22	Thủ tục Cấp lại giấy phép lao động	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>III</b>	<b>NHÓM DVC DO CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÍ THỰC HIỆN</b>		
23	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
24	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
25	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020



26	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
27	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã Đăng ký	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
28	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã Đăng ký do lỗi của cơ quan Đăng ký	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
29	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
30	Chuyển tiếp Đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
31	Xóa Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>IV</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ CÔNG THƯƠNG THỰC HIỆN</b>		
32	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm Thương mại tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
33	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm Thương mại tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
34	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo	QUÝ III/2021	
35	Thủ tục Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
36	Thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

37	Thủ tục điều chỉnh giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
38	Thủ tục gia hạn giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
39	Thủ tục Chấm dứt hoạt động giấy phép Văn phòng đại diện của Thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>V</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ DU LỊCH THỰC HIỆN</b>		
40	Thủ tục Công nhận hạng cơ sở lý trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lý trú du lịch(khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lý trú du lịch)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
41	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật quy trình cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>VI</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỰC HIỆN</b>		
42	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
43	Đăng ký xét tuyển đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>VII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI THỰC HIỆN</b>		
44	Cấp mới giấy phép lái xe	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
45	Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

46	Thủ tục Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
47	Thủ tục Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
48	Thủ tục đổi giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải cấp	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
49	Thực hiện liên thông, đồng thời chấp thuận xây dựng công trình và Cấp phép thi công xây dựng công trình điện lực có điện áp từ 35KV trở xuống trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
50	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đối với phương tiện mang biển kiểm soát của Thành phố Hồ Chí Minh	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
51	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đối với phương tiện mang biển kiểm soát địa phương khác	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
52	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020

53	Thủ tục Cấp/Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện phi Thương mại và phương tiện Thương mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
54	Thủ tục gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào tại Thành phố Hồ Chí Minh, hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
55	Thủ tục Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào - Campuchia đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
56	Thủ tục Cấp lại Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào - Campuchia đối với xe vận tải hành khách tuyến cố định	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
57	Thủ tục Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Lào - Campuchia đối với xe phi Thương mại	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
58	Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
59	Thu tiền nộp phạt xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
60	Liên thông các thủ tục cấp điện qua lýới hạ áp, trung áp (gồm: tiếp nhận yêu cầu; thỏa thuận vị trí cột/trạm điện, hành lang lýới điện và cấp phép thi công xây dựng công trình điện trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ,...)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>VIII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN</b>		

61	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
62	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu đối với doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
63	Liên thông Đăng ký thành lập doanh nghiệp và cấp mã số vị đơn vị bảo hiểm xã hội	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
64	Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp và tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
65	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
66	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
67	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty cổ phần	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
68	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty hợp danh	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
69	Thủ tục Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
70	Thủ tục Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
71	Thủ tục Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

72	Thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
73	Thủ tục Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
74	Thủ tục Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
75	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
76	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
77	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
78	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty Đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
79	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
80	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

	ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác		
81	Thủ tục Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
82	Thủ tục Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung Đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
83	Thủ tục Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
84	Thủ tục Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
85	Thủ tục Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
86	Thủ tục Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
87	Thủ tục Thông báo thay đổi nội dung Đăng ký thuế	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
88	Thủ tục Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
89	Thủ tục Công bố nội dung Đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần,	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

	công ty hợp danh)		
90	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
91	Thủ tục Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
92	Thủ tục Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
93	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung Đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan Đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
94	Thủ tục Thông báo lập địa điểm doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
95	Thủ tục Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
96	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020



	phần, công ty hợp danh)		
97	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
98	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
99	Thủ tục Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
100	Thủ tục Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
101	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
102	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
103	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
104	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
105	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

106	Thủ tục Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
107	Thủ tục Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
108	Thủ tục Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
109	Thủ tục Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
110	Thủ tục Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
111	Thủ tục Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
112	Thủ tục Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
113	Thủ tục Thông báo tạm ngừng kinh doanh	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
114	Thủ tục Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
115	Thủ tục Giải thể doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
116	Thủ tục Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
117	Thủ tục Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

118	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
119	Thủ tục Cấp đổi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung Đăng ký kinh doanh và Đăng ký thuế	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
120	Thủ tục Hiệu đính thông tin Đăng ký doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
121	Thủ tục Cập nhật bổ sung thông tin Đăng ký doanh nghiệp	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
<b>IX</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THỰC HIỆN</b>		
122	Thủ tục Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
123	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
124	Thủ tục Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
125	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
126	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
127	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

128	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
129	Thủ tục thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
130	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
131	Thủ tục Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
132	Thủ tục kiểm tra chất lý lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
133	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã Đăng ký hoặc tổ chức chứng nhận được chỉ định (bên thứ ba)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
134	Thủ tục Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	QUÝ III/2021	.
135	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành	QUÝ III/2021	.

136	Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
137	Thủ tục Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh	QUÝ III/2021	.
138	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	QUÝ III/2021	.
<b>X</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THỰC HIỆN</b>		
139	Liên thông thủ tục báo tăng, giảm lao động (của ngành bảo hiểm xã hội) và khai trình lao động, báo cáo 6 tháng, 01 năm tình hình thay đổi về lao động (của ngành lao động, Thương binh và xã hội)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
140	Thủ tục Cấp Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
141	Thủ tục Cấp lại Giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
142	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
143	Thủ tục tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài	QUÝ III/2021	
144	Thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	QUÝ III/2021	
<b>XI</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ NGOẠI VỤ THỰC HIỆN</b>		
145	Chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ, tài liệu tại các cơ quan trong nước	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020

146	Thủ tục chứng nhận xuất trình giấy tờ, tài liệu tại Bộ Ngoại giao	QUÝ III/2021	.
147	Thủ tục Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan trong nước	QUÝ III/2021	.
148	Thủ tục sửa đổi, bổ sung hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan ở trong nước	QUÝ III/2021	.
149	Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ tại các cơ quan ở trong nước	QUÝ III/2021	.
150	Thủ tục Cấp công hàm tại các cơ quan trong nước	QUÝ III/2021	.
151	Gia hạn tạm trú, cấp thị thực cho người nước ngoài tại Việt Nam	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>XII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN THỰC HIỆN</b>		
152	Thủ tục Cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
153	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
154	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
155	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

156	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
157	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	QUÝ III/2021	
158	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	QUÝ III/2021	.
159	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	QUÝ III/2021	.
<b>XIII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC THỰC HIỆN</b>		
160	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>XIV</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ TÀI CHÍNH THỰC HIỆN</b>		
161	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách	QUÝ III/2021	
<b>XV</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN</b>		
162	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
163	Thủ tục Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
164	Thủ tục cấp lại Sổ Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
165	Thủ tục Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	

166	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	
167	Thủ tục Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	QUÝ III/2021	
168	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	
169	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với công trình cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2 m <sup>3</sup> /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	
170	Thủ tục Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	
171	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm.	QUÝ III/2021	
172	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 30.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	QUÝ III/2021	



173	Thủ tục Cấp lại Giấy phép tài nguyên nước (Giấy phép thăm dò nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất, Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, Giấy phép khai thác, sử dụng nước biển, Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước).	QUÝ III/2021	
174	Thủ tục Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QUÝ III/2021	
175	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QUÝ III/2021	
176	Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
177	Cấp lại Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
178	Thủ tục Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	QUÝ III/2021	
179	Cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
180	Thủ tục Cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt đối với công trình cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	QUÝ III/2021	
181	Thủ tục Cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng từ 20 m <sup>3</sup> /ngày đêm đến dưới 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác	QUÝ III/2021	

182	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	QUÝ III/2021	
<b>XVI</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG THỰC HIỆN</b>		
183	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động đi kèm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
184	Thủ tục Cấp phép hợp báo (nước ngoài)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
185	Thủ tục Cấp phép hợp báo (trong nước)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
186	Thủ tục Cấp phép xuất bản bản tin	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
187	Thủ tục Cấp phép Hội nghị, Hội thảo quốc tế	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
188	Thủ tục Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
189	Thủ tục Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
190	Thủ tục Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in màu có chức năng photocopy màu	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
191	Thủ tục Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	QUÝ III/2021	
192	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
193	Thủ tục Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

194	Thủ tục Cấp phép hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>XVII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ TƯ PHÁP THỰC HIỆN</b>		
195	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cý trú ở Việt Nam)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
196	Thủ tục Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cý trú tại Việt Nam)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
197	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>XVIII</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THỰC HIỆN</b>		
198	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với doanh nghiệp	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
199	Cấp Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
200	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bản quảng cáo, băng-rôn	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
201	Cấp Giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa và Thể thao	QUÝ III/2021	
202	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp Giấy chứng nhận đủ điều kiện bị mất hoặc hư hỏng	QUÝ III/2021	.

203	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với trường hợp thay đổi một trong các nội dung của Giấy chứng nhận (tên và địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; địa điểm kinh doanh hoạt động thể thao; danh mục hoạt động thể thao kinh doanh)	QUÝ III/2021	.
204	Thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
205	Cấp Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương	QUÝ III/2021	.
206	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	QUÝ III/2021	.
207	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	QUÝ III/2021	.
<b>XIX</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ XÂY DỰNG THỰC HIỆN</b>		
208	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
209	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
210	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
211	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
212	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
213	Thủ tục điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

	Ủy ban nhân dân Thành phố đã tiếp nhận Đăng ký, công bố thông tin		
<b>XX</b>	<b>NHÓM DVC DO SỞ Y TẾ THỰC HIỆN</b>		
214	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
215	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
216	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
217	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
218	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
219	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
220	Công bố tiêu chuẩn áp dụng trang thiết bị y tế thuộc loại A	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
221	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

222	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế	QUÝ III/2021	
223	Điều chỉnh thông tin trong hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D	QUÝ III/2021	
224	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	QUÝ III/2021	
225	Công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.	QUÝ III/2021	
226	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
227	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	QUÝ III/2021	
228	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận là lýõng y	QUÝ III/2021	
229	Thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dýợc theo hình thức xét hồ sơ	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
<b>XXI</b>	<b>NHÓM DVC DO VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ THỰC HIỆN</b>		
230	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
231	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
232	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020

233	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
234	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã Đăng ký	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
235	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã Đăng ký do lỗi của cơ quan Đăng ký	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
236	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
237	Chuyển tiếp Đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
238	Xóa Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
<b>XXII</b>	<b>NHÓM DVC DO ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN THỰC HIỆN</b>		
239	Thủ tục Đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
240	Thủ tục Cấp bản sao từ sổ gốc	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
241	Thủ tục Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
242	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
243	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

244	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
245	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
246	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
247	Thủ tục Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
248	Thủ tục Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã	QUÝ III/2021	
249	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QUÝ III/2021	
250	Thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ rượu	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
251	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
252	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
253	Thủ tục Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
254	Thủ tục Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	QUÝ III/2021	
255	Thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục	QUÝ III/2021	



	đích kinh doanh		
256	Thủ tục Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QUÝ III/2021	
257	Thủ tục Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	QUÝ III/2021	
258	Thủ tục Đăng ký bán rượu tiêu dùng tại chỗ	QUÝ III/2021	
259	Thủ tục Đăng ký kinh doanh rượu có độ cồn dưới 5,5 độ	QUÝ III/2021	
260	Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký hộ kinh doanh	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
261	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
262	Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký Giấy chứng nhận Đăng ký hộ kinh doanh	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
263	Chấm dứt hoạt động kinh doanh	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
264	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QUÝ III/2021	
265	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QUÝ III/2021	
266	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	QUÝ III/2021	
267	Thủ tục Cấp Giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

268	Thủ tục Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
269	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QUÝ III/2021	.
270	Thủ tục thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
271	Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục	QUÝ III/2021	
272	Thủ tục thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục.	QUÝ III/2021	
273	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QUÝ III/2021	
274	Thủ tục Xác nhận Đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa (đối với nhà trẻ, nhóm trẻ; trường, lớp mẫu giáo, trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở, phổ thông trung học bán trú và trung tâm học tập cộng đồng).	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
275	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
276	Thủ tục cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
277	Thủ tục giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

278	Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
279	Thủ tục sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
280	Thủ tục cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
281	Thủ tục giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
282	Thủ tục sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
283	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
284	Thủ tục cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
285	Thủ tục giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
286	Thủ tục đề nghị phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QUÝ III/2021	
287	Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	QUÝ III/2021	
288	Thủ tục thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QUÝ III/2021	
289	Chuyển đổi cơ sở Giáo dục Mầm non bán công sang cơ sở Giáo dục Mầm non công lập	QUÝ III/2021	
290	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

291	Thủ tục gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
292	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài.	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
293	Thủ tục Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
294	Thủ tục Ghi vào sổ hộ tịch việc khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch (sau đây gọi là các việc hộ tịch khác) của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
295	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân.	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
296	Thủ tục Công nhận báo cáo viên pháp luật quận, huyện	QUÝ III/2021	
297	Thủ tục Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	QUÝ III/2021	
298	Thủ tục Đăng ký hợp tác xã	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
299	Thủ tục Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
300	Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã chia	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
301	Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã tách	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018

302	Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
303	Thủ tục Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
304	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
305	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
306	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
307	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
308	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
309	Thủ tục Đăng ký thay đổi nội dung Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
310	Thủ tục thay đổi cơ quan Đăng ký hợp tác xã	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
311	Thủ tục Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản	QUÝ III/2021	
312	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QUÝ III/2021	
313	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	QUÝ III/2021	

314	Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp	QUÝ III/2021	
315	Thủ tục Cấp Giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	QUÝ III/2021	
316	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QUÝ II/2021	Quyết định 4910/QĐ-UBND ngày 02/11/2018
317	Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn đối với nhà ở riêng lẻ	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
318	Thủ tục Cấp Giấy phép xây dựng đối với trường hợp sửa chữa, cải tạo	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
319	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
<b>XXIII</b>	<b>NHÓM DVC DO ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG, XÃ, THỊ TRẤN THỰC HIỆN</b>		
320	Thủ tục Đăng ký giám hộ	QUÝ III/2021	
321	Thủ tục Đăng ký khai tử	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
322	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QUÝ IV/2020	Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020
323	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	QUÝ III/2021	

324	Thủ tục liên thông Đăng ký khai sinh, Đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020
325	Thủ tục liên thông Đăng ký khai tử, xóa Đăng ký thường trú	QUÝ I/2021	CV 6146/VPCP-KSTT ngày 28/7/2020

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4304/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2020*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật  
của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật  
được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Thực hiện Công văn số 2910/BTP-VĐCXDPL ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Bộ Tư pháp về việc thông báo các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9;*

*Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 5268/STP-VB ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (bản điện tử số đến 64458/C).*



**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết các luật được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại Kỳ họp thứ 9.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm triển khai thực hiện việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố, bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn được giao theo Quyết định này và sử dụng kinh phí đúng mục đích, nội dung, chế độ đã quy định.

Trường hợp đề nghị điều chỉnh thời điểm trình ban hành văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo có văn bản gửi Sở Tư pháp nêu rõ lý do, giải pháp, thời hạn thực hiện đề Sở Tư pháp tổng hợp, tham mưu, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Ngô Minh Châu**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**  
**QUY ĐỊNH CHI TIẾT CÁC LUẬT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XIV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 9**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4304/QĐ-UBND*  
*ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

ST T	Hình thức văn bản	Tên trích yếu nội dung	Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương giao quy định chi tiết	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình
1	Quyết định	Ban hành Quy định về công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn Thành phố	Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều <i>(có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2021)</i>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở - ban ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện	Quý II năm 2021
2	Quyết định	Quy định quy mô công trình cho từng khu vực trên địa bàn Thành phố	Khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng <i>(có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021)</i>	Sở Xây dựng	Các Sở - ban ngành có liên quan; Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện	Quý IV năm 2020

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

## ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2506/UBND-TP

*Quận 8, ngày 13 tháng 10 năm 2020*

V/v đính chính Quyết định

số 04/2020/QĐ-UBND

ngày 04 tháng 8 năm 2020

của Ủy ban nhân dân Quận 8

Kính gửi:

- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Sở Văn hóa và Thể thao;
- Sở Du lịch;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Công báo thành phố;
- Các phòng ban chuyên môn thuộc Quận 8.

Ngày 04 tháng 8 năm 2020, Ủy ban nhân dân Quận 8 đã ban hành Quyết định số 04/2020/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Văn hóa và Thông tin Quận 8.

Do sai sót về kỹ thuật trình bày văn bản, Ủy ban nhân dân Quận 8 đính chính lại văn bản như sau:

Tại phần trình bày số, ký hiệu văn bản viết là “Số: 04/2020/QĐ-UBND”, nay sửa lại là “Số: 03/2020/QĐ-UBND”.

Ủy ban nhân dân Quận 8 thông báo để các cơ quan, đơn vị có liên quan biết và thực hiện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Tùng**

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng